

## QUAN ĐIỂM VÀ CHÍNH SÁCH CỦA MỸ ĐỐI VỚI SỰ XÂM LƯỢC VÀ CAN THIỆP CỦA PHÁP TẠI VIỆT NAM (1945 – 1954)

NGUYỄN ĐĂNG KHOA\*

### TÓM TẮT

*Sau Chiến tranh Thế giới thứ hai, Pháp âm mưu quay trở lại Việt Nam nhằm tái lập chế độ thực dân. Quan điểm của chính phủ Mỹ đối với sự trở lại của Pháp thay đổi theo tình hình quan hệ quốc tế trên thế giới. Những năm sau đó, Mỹ dần can thiệp sâu hơn vào Việt Nam. Bài viết này khái quát quan điểm cũng như chính sách của Mỹ đối với sự xâm lược và can thiệp của Pháp tại Việt Nam từ 1945 đến 1954.*

**Từ khóa:** chính sách đối ngoại Mỹ, chiến tranh Đông Dương, giải pháp Bảo Đại, quan hệ quốc tế, chiến tranh lạnh.

### ABSTRACT

***The United States' viewpoint and policy towards France's invasion-intervention activities in Vietnam (1945 – 1954)***

*After World War II, France schemed to recolonize Vietnam. The United States' viewpoint towards France's invasion changed according to the status quo of the international relations. A few years later, the U.S. step-by-step interfered in Vietnam. This article summarizes and generalizes the United States' viewpoint and policy towards France's invasion-intervention activities in Vietnam from 1945 – 1954.*

**Keywords:** the foreign policy of the United States, Indochina War, Bao Dai solution, international relations, the cold war.

### 1. Bối cảnh thế giới và Việt Nam sau Chiến tranh Thế giới thứ hai

Chiến tranh Thế giới thứ hai kết thúc đã giương cao ngọn cờ kêu gọi hòa bình và xóa bỏ ách nô lệ phát xít. Điều này đặt ra vấn đề cho các nước thắng trận là phải từ bỏ hệ thống thuộc địa vốn đã cũ kỹ, lỗi thời và không phù hợp với mục tiêu trên. Tuy nhiên, việc từ bỏ quyền lợi ở các mảnh đất thuộc địa rộng lớn dường như khó có thể thực hiện đối với các cường quốc tư bản.

Là nước sở hữu diện tích thuộc địa lớn thứ hai trên thế giới, Pháp đã âm mưu quay trở lại và tái lập chế độ thực dân tại Đông Dương. Âm mưu này được thể hiện rõ bằng tuyên bố của chính phủ lâm thời Charles de Gaulle ngày 24-3-1945: “*Liên bang Đông Dương hợp với nước Pháp và các bộ phận khác của cộng đồng thành một Liên hiệp Pháp mà quyền lợi bên ngoài sẽ do Pháp đại diện.*” [2, tr.51].

Hội nghị Potsdam diễn ra từ tháng 7 đến tháng 8-1945 đã ra thỏa thuận về tình hình tại Đông Dương như sau: Chính

\* ThS, Trường Đại học Ngoại ngữ & Tin học TPHCM; Email: dangkhoa@hufit.edu.vn

phủ Trung Hoa Dân Quốc sẽ phụ trách giải giáp quân Nhật tại phía Bắc Đông Dương từ vĩ tuyến 16 trở lên và chính phủ Anh sẽ thực hiện tại phần phía Nam. Vì có chung quyền lợi trong vấn đề thuộc địa, Pháp đã bắt tay với Anh để thực hiện ý đồ trở lại Đông Dương thông qua bản ghi nhớ: “*Cao ủy Cộng hòa Pháp, Toàn quyền Đông Dương hay, trong trường hợp ông này vắng mặt, tư lệnh lực lượng quân sự Pháp ở Viễn Đông được phép thay mặt Cao ủy, sẽ thực hiện quyền lực dân sự trên toàn lãnh thổ Đông Dương*” [2, tr.53]. Bản thân Tướng Douglas D. Gracey của Anh trước khi đến Đông Dương vào trung tuần tháng 9-1945 cũng đã thừa nhận: “*Vấn đề chính quyền ở Đông Dương là độc quyền của Pháp. Kiểm soát dân sự và quân sự bởi người Pháp chỉ còn là vấn đề của một vài tuần lễ*” [10, tr.B36]. Ngày 9-10-1945, Pháp và Anh đã kí kết một thỏa thuận tại London, theo đó người Anh chính thức công nhận chính quyền dân sự Pháp tại Đông Dương là chính quyền hợp pháp duy nhất từ phía Nam vĩ tuyến 16. Đến ngày 01-01-1946, Anh chuyển giao cho Pháp toàn bộ quyền hạn tại Đông Dương.

Không dừng lại ở đó, ngày 28-2-1946, Pháp kí thỏa thuận với chính quyền của Tưởng Giới Thạch bao gồm các điều khoản tương tự như thỏa thuận với Anh, tức là Pháp sẽ thay thế Trung Hoa Dân Quốc trong việc giải giáp phát xít Nhật từ phía Bắc vĩ tuyến 16 để đổi lại các lợi ích Pháp dành cho Tưởng tại Trung Quốc.

Tuy nhiên, lúc bấy giờ, Pháp phải đối mặt với chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (VNDCCH), được thành lập

vào ngày 02-9-1945 với một lực lượng quân sự không nhỏ. Vì muốn tránh xung đột và một cuộc chiến xảy ra quá sớm, VNDCCH và Pháp đã ngồi vào bàn đàm phán, kí kết hai hiệp định: Sơ bộ (06-3-1946) và Tạm ước (14-9-1946) nhằm tìm ra giải pháp cho vấn đề. Về mặt bản chất, Pháp vẫn không muốn từ bỏ vùng thuộc địa Đông Dương vốn đem lại nhiều lợi ích về mặt kinh tế cho Pháp, nhất là khi Pháp đang cần nguồn lực để tái thiết sau cuộc đại Thế chiến. Vì thế, mọi nỗ lực hòa đàm từ phía VNDCCH đều không nhận được sự quan tâm nghiêm túc từ chính quyền Paris. Hiệp định Sơ bộ và Tạm ước cũng chỉ kéo dài thời gian yên bình được 3 tháng. Đến ngày 19-12-1946, cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất đã chính thức nổ ra giữa Pháp và VNDCCH.

Khi biện pháp ngoại giao thất bại, Pháp thực hiện kế hoạch khác dưới tên gọi “Giải pháp Bảo Đại”. Bằng Hiệp định Élysée (08-3-1949), Pháp đã dựng nên chính quyền Quốc gia Việt Nam với Bảo Đại làm Quốc trưởng. Hiệp định Élysée công nhận Quốc gia Việt Nam nhưng Pháp vẫn có quyền can thiệp và chi phối quan hệ đối nội và đối ngoại. Đây có thể xem như một chính quyền bù nhìn do Pháp dựng nên nhằm chống lại chính quyền VNDCCH.

## **2. Quan điểm của Mỹ về Đông Dương từ trước 1945 - 1946**

Trước khi Chiến tranh Thế giới thứ hai kết thúc, quan điểm của Mỹ, mà đại diện lúc đó là Tổng thống Franklin D. Roosevelt, hướng đến việc: “*giải phóng các dân tộc khắp nơi trên thế giới*

khỏi chính sách thuộc địa lỗi thời”<sup>1</sup> [2, tr.66]. Roosevelt đề xuất thành lập chế độ “ủy thác” (trusteeship) nhằm từng bước trao trả độc lập cho các nước thuộc địa ở Đông Dương sau chiến tranh [2, tr.66]. Quan điểm này của Mĩ thực chất không vì Đông Dương mà xuất phát từ việc Mĩ muốn kiểm soát tình hình ở Trung Quốc thông qua lực lượng Quốc dân Đảng của Tưởng Giới Thạch. Roosevelt ban đầu rất kiên định với chính sách và quan điểm về Đông Dương. Trong lá thư gửi Ngoại trưởng Cordell Hull vào 24-01-1944, Roosevelt viết:

“... Đông Dương không nên quay trở lại dưới sự cai trị của Pháp mà nó phải được quản lý bởi một chế độ ủy thác quốc tế. Pháp là quốc gia đã có 30 triệu dân trong gần 100 năm, và người dân ở đó hiện nay lại có cuộc sống tồi tệ hơn lúc đầu...”

Trên quan điểm quyền lợi, tôi hết lòng hỗ trợ ý này bằng cách ủng hộ Tổng tư lệnh Tưởng Giới Thạch và Thống chế Stalin. Tôi thấy không có lí do để tranh đua với Bộ Ngoại giao Anh về vấn đề này. Dường như lí do duy nhất mà họ (Anh) chống lại là sự lo sợ rằng Đông Dương độc lập sẽ ảnh hưởng đến thuộc địa của họ. Họ đã không bao giờ thích ý tưởng của ủy thác bởi vì, trong một số trường hợp, là nhằm mục đích độc lập trong tương lai...

Tất nhiên mỗi quốc gia thuộc địa sẽ phải tự đứng trên chính đôi chân của chính mình, nhưng trường hợp của Đông Dương là hoàn toàn rõ ràng. Pháp đã ‘vắt sữa’ nó 100 năm. Người dân Đông

Dương có quyền được hưởng một cái gì đó tốt hơn thế.” [10, tr.A14].

Quan điểm này vấp phải sự phản đối kịch liệt từ phía Thủ tướng Anh, Churchill. Anh là nước sở hữu diện tích thuộc địa lớn nhất thế giới trước chiến tranh. Việc Tổng thống Mĩ đề xuất trao trả độc lập hay không tái xâm lược các quốc gia thuộc địa ảnh hưởng rất nhiều đến Khối Thịnh vượng chung của Anh. Thêm vào đó, sau khi Chiến tranh Thế giới thứ hai kết thúc, vị thế của Pháp đã được nâng cao khi được công nhận là một thành viên thường trực của Hội đồng Bảo an Liên hiệp quốc. Mĩ thật sự không muốn làm méo mó lòng đồng minh của mình tại châu Âu. Sự phản đối của Anh và vị thế của Pháp khiến cho Tổng thống Roosevelt phải nhượng bộ. Ông đã có bài phát biểu tại buổi hội đàm vào tháng 3-1945 như sau: “Nếu chúng ta có thể có được lời cam kết từ phía Pháp rằng họ đảm nhận các nghĩa vụ của ủy thác, tôi sẽ đồng ý cho Pháp giữ các thuộc địa này với điều kiện độc lập sẽ là mục tiêu cuối cùng”. [2, tr.68]. Trong quyển Việt – Mĩ: Tư liệu lịch sử bao quát nhất về Cuộc chiến tranh Việt Nam, tác giả đã đưa ra nhận định: ...Trong 3 năm sau Chiến tranh (Thế giới), bởi vì vị trí của Pháp đóng vai trò nền tảng trong chính sách đối ngoại Mĩ ở châu Âu, Mĩ ưu tiên châu Âu – chứ không phải châu Á” [4, tr.33].

Từ việc phản đối, Roosevelt đã phải thực hiện chính sách “không can thiệp” vào Việt Nam. Việc này đồng nghĩa với sự chấp nhận Pháp trở lại Đông Dương. Ngày 03-4-1945, Ngoại trưởng Mĩ Stettinius, được sự phê duyệt của

Roosevelt, ban hành tuyên bố: “*Mỹ sẽ xem xét việc ủy thác sau khi chiến tranh kết thúc trên những ‘vùng lãnh thổ lấy lại từ kẻ thù’ và những ‘vùng lãnh thổ có thể tự nguyện được đặt dưới sự ủy thác’*” [10, tr.A2]; Đông Dương rơi vào trường hợp thứ hai và Mỹ mặc nhiên ‘phớt lờ’ trách nhiệm cho người Pháp. Sự ‘phớt lờ’ này càng thể hiện rõ khi Harry Truman lên nhậm chức Tổng thống, ông mặc nhiên công nhận chủ quyền của Pháp tại Đông Dương trong cuộc gặp với de Gaulle ngày 24-8-1945: “*Đối với Đông Dương, chính phủ Mỹ sẽ không làm gì để ngăn Pháp trở lại nơi đó*” [2, tr.69].

Từ tháng 9-1945 đến năm 1946, sau khi Cách mạng tháng Tám thành công và nước VNDCCH được thành lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi đến chính quyền Truman rất nhiều bức thư “*mô tả điều kiện tệ hại ở Việt Nam*” và mong muốn Mỹ “*công nhận nền độc lập của VNDCCH hoặc - như một phương sách cuối cùng - ủy trị Việt Nam cho Liên hợp quốc*” [10, tr.A24]. Nhưng Mỹ không đưa ra một hồi âm rõ ràng nào và tiếp tục thực thi chính sách ‘không can dự’: “*Cuối cùng, Mỹ đã không ủng hộ Việt Minh chống chủ nghĩa thực dân (mặc dù Mỹ đã gây áp lực cho Pháp nhượng bộ cho dân tộc Việt), vì lợi ích của mình dường như là tham gia trực tiếp hơn trong việc củng cố Pháp như là một phần quan trọng để giúp Mỹ hỗ trợ phục hồi châu Âu.*” [10, tr.C62]

Nắm được chính sách của Mỹ, Pháp cầu kết với Anh và Trung Hoa Dân Quốc từng bước đưa quân vào Việt Nam. Sau khi giải giáp quân phát xít tại miền Nam

Việt Nam (từ vĩ tuyến 16), Anh sẽ chuyển giao quyền kiểm soát lại cho Pháp. Đối với Trung Hoa Dân Quốc, thấy được sự khó khăn trong cuộc nội chiến ở Trung Quốc và ý định rút quân khỏi Việt Nam của Tưởng để củng cố lực lượng, Pháp đã ngay lập tức thương lượng và kí kết Hiệp ước Pháp – Hoa ngày 28-02-1946. Theo đó, Pháp sẽ thay thế quân đội Trung Hoa Dân Quốc ở miền Bắc để tiếp tục thực hiện việc giải giáp quân Nhật.

Mặc dù chính phủ VNDCCH đã nhượng bộ chính trị đối với chính quyền Tưởng Giới Thạch (nhường ghế Quốc hội cho Quốc dân Đảng) và kí kết Hiệp định Sơ bộ với Pháp để mong tìm kiếm giải pháp ngoại giao cũng như kêu gọi Pháp công nhận nền độc lập của Việt Nam (trong Liên hiệp Pháp), nhưng Pháp vẫn quyết tâm thực hiện âm mưu tái xâm lược Việt Nam thông qua các hoạt động quân sự, đàn áp và vi phạm Hiệp ước đã kí với VNDCCH. Đến tháng 4-1946, Pháp hầu như đã chiếm đóng các thành phố lớn ở Việt Nam. Xung đột giữa quân Việt Minh và Pháp vào cuối năm 1946, đặc biệt ở miền Bắc ngày càng trở nên căng thẳng. Sự nhượng bộ của VNDCCH đã đạt đến giới hạn. Ngày 19-12-1946 Lãnh tụ VNDCCH, Chủ tịch Hồ Chí Minh ban hành “*Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*”, theo đó khởi đầu cho cuộc kháng chiến chống Pháp (hay còn gọi là Chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất) chấm dứt mọi nỗ lực đàm phán giữa VNDCCH và Pháp.

Tháng 11-1946, Trưởng phân bộ Đông Nam Á của Bộ Ngoại giao Mỹ, Abbot Low Moffat đã báo cáo về tình

hình Việt Nam, theo đó nêu lên quan ngại về mối liên hệ giữa Liên bang Xô-viết và chính phủ VNDCCH. Báo cáo đưa ra đề xuất: “*sự hiện diện của Pháp là cần thiết, không chỉ để làm đối trọng với ảnh hưởng của Liên Xô, mà còn để bảo vệ Việt Nam và Đông Nam Á khỏi hoạt động xâm nhập của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong tương lai*” [2, tr.70]. Bản báo cáo khiến Mĩ quan tâm đến hình Việt Nam và buộc Mĩ chuyển sang chính sách ủng hộ Pháp tái xâm lược Việt Nam. Mĩ thà để Việt Nam nằm dưới sự kiểm soát của Pháp hơn là thấy Việt Nam độc lập dưới sự kiểm soát của phe xã hội chủ nghĩa (XHCN). Trong báo cáo “Deepening Involvement: 1945 – 1965” của Trung tâm Lịch sử Quân đội Mĩ (Center of Military History – United States Army) đã đề cập:

*“Mặc dù ủng hộ nền độc lập của Việt Nam nói chung, nhưng Mĩ vẫn hỗ trợ cho Pháp bởi vì sự nổi dậy của Việt Minh được dẫn dắt bởi Cộng sản và trong những ngày tháng chiến tranh lạnh, các quan chức Mĩ đều coi bất kì và tất cả các yếu tố Cộng sản trên thế giới là ‘những con ròi’ của Moskva và Bắc Kinh...”*

*Mĩ cảm thấy bản thân đang phải tự đấu tranh giữa một bên là chống lại bước tiến của XHCN, và một bên là những vấn đề thiếu ổn định của việc giải tán chế độ thực dân...”* [12, tr.5-7].

### **3. Chiến tranh lạnh và sự ủng hộ của Mĩ đối với Pháp (1947 – 1950)**

Bước sang đầu năm 1947, mặc dù đã thay đổi lập trường từ việc phản đối Pháp trở lại Đông Dương sang quan điểm trung lập, nhưng Mĩ vẫn cho rằng vấn đề

Đông Dương là phải do chính người Pháp giải quyết. Lí do cho lập trường này của Mĩ là:

*Thứ nhất, Mĩ không thể có ý kiến gay gắt đối với sự can thiệp của Pháp vào Đông Dương, bởi vì có sự phản đối của Anh, một đồng minh của Mĩ trong Chiến tranh Thế giới thứ hai; hơn nữa, Pháp đang được Mĩ tăng cường quan hệ và tái thiết để đối phó với sự lớn mạnh của khối XHCN do Liên Xô đứng đầu vừa hình thành: “Hơn nữa, trong năm 1946 và 1947, Pháp và Anh đang hướng tới một liên minh chống Liên Xô ở châu Âu, và Mĩ rất ngần ngại đưa ra một chính sách có tiềm năng gây chia rẽ. So với việc phục hồi châu Âu và thoát khỏi sự thống trị của cộng sản, Mĩ đã xem số phận của Việt Nam tương đối không đáng kể”* [10, tr.A42].

*Thứ hai, mặc dù VNDCCH được lãnh đạo bởi Đảng Cộng sản nhưng lí tưởng và mục đích của cuộc kháng chiến mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đưa ra là để chống lại ách thống trị của thực dân, giải phóng dân tộc. Đây lại là sự nghiệp phù hợp với lí tưởng tự do dân chủ mà Mĩ ra sức quảng bá sau Chiến tranh [2, tr.66-67]. Điều này được Bộ Ngoại giao Mĩ ngụ ý trong văn bản gửi đại diện ngoại giao tại Hà Nội ngày 5-12-1946 như sau: “...Có thể nói là nhân dân Mĩ đã hoan nghênh những thành quả mà Đông Dương đã nỗ lực thực hiện, hoan nghênh niềm khát khao được có nhiều quyền tự chủ trong khuôn khổ thể chế dân chủ và nó sẽ là điều đáng tiếc nếu những quyền lợi và tình cảm này bị tan vỡ bởi thái độ không khoan nhượng và bạo lực được*

*đưa ra từ bất kì lực lượng thuộc bất cứ xu hướng nào ở Việt Nam”* [10, tr.A30].

Khi Pháp bắt đầu quay trở lại Việt Nam, Mĩ đã ngay lập tức từ chối các hỗ trợ quân sự dành cho Pháp và cấm các tàu mang cờ Mĩ chuyên chở binh lính và phương tiện chiến tranh đến Việt Nam. Vào tháng 01-1947, Bộ Ngoại giao Mĩ chỉ thị cho Đại sứ Mĩ ở Paris rằng Mĩ sẽ bán vũ khí cho Pháp với điều kiện những vũ khí đó sẽ không được sử dụng cho việc can thiệp vũ trang tại Đông Dương (hay nói cách khác là loại trừ những trường hợp phục vụ cho âm mưu tái xâm lược của Pháp tại Việt Nam). [13, tr.15]

Sau đó, tình hình tại khu vực Đông Âu và sự lan rộng của chế độ XHCN khiến Mĩ phải dè chừng và có thái độ thiên về Pháp trong vấn đề Đông Dương hơn là việc ủng hộ hòa giải với VNDCCH: *“Mĩ - luôn luôn không ủng hộ Hồ Chí Minh, bị cản trở bởi quá trình dính líu với cộng sản của ông Hồ. Do đó, chính sách của Mĩ có xu hướng ngả sang giải pháp Bảo Đại của Pháp”* [10, tr.A42].

Cả VNDCCH và Pháp, đặc biệt là VNDCCH, cố gắng tìm kiếm các biện pháp ngoại giao để giải quyết tình hình đến giữa năm 1947 nhưng tất cả đều không đạt được một kết quả nào. Vì thế, Pháp đã lên một kế hoạch khác tại Đông Dương mang tên: “Giải pháp Bảo Đại”. Giải pháp này hướng đến việc thành lập một chính phủ đại diện của Việt Nam do cựu hoàng đế Bảo Đại làm Quốc trưởng. Pháp sẽ công nhận nền độc lập của Việt Nam trong Liên hiệp Pháp được điều hành bởi chính phủ này. Với Pháp, “Giải

pháp Bảo Đại” là một cách để Pháp vừa có thể tránh né đàm phán với VNDCCH, xây dựng một chính quyền bản xứ người Việt đối trọng với VNDCCH, vừa có thể thông qua đó kêu gọi sự hỗ trợ của Mĩ. Với Mĩ, “Giải pháp Bảo Đại” phù hợp với những yêu cầu của Mĩ về độc lập cho Việt Nam và một chính phủ không dính líu đến phe XHCN. Cho nên Mĩ bắt đầu quan tâm đến giải pháp này của Pháp một cách khẩn trương.

Cũng trong thời điểm đầu năm 1947, tình hình ở châu Âu có sự biến động: Đảng Cộng sản nắm chính quyền tại hàng loạt các nước Đông Âu như Albania, Bulgaria, Romania, Hungary, Nam Tư, Ba Lan, Tiệp Khắc, Đông Đức... và ở tại các nước khác như Pháp, Thổ Nhĩ Kỳ, Hi Lạp... phong trào đấu tranh của Đảng Cộng sản dâng cao mạnh mẽ. Còn ở Trung Quốc, quân đội của Đảng Cộng sản giành được các thắng lợi quan trọng, khiến chính quyền Quốc dân Đảng có khả năng bị thất thủ. Nguy cơ về sự lan rộng của chủ nghĩa xã hội tại châu Âu và châu Á đã trở thành mối đe dọa lớn nhất cho lợi ích của Mĩ. Vì thế, tháng 3-1947, Tổng thống Truman đã có bài phát biểu trước Quốc hội và đề ra “chủ thuyết Truman”, qua đó khởi đầu cho chiến tranh lạnh giữa một bên là khối Tư bản chủ nghĩa do Mĩ đứng đầu và một bên là khối XHCN do Liên Xô lãnh đạo. Từ thời điểm đó trở đi, Mĩ ưu tiên tập trung vào vấn đề “chống Cộng”.

Từ cuối năm 1947 đến đầu năm 1948, Washington bắt đầu nghĩ đến việc can thiệp vào Việt Nam bằng việc thúc đẩy “Giải pháp Bảo Đại”. Quyền lợi của

Mĩ tại Đông Nam Á sẽ bị ảnh hưởng trước sức ép của các phong trào của Đảng Cộng sản ở các nước trong khu vực như Miến Điện, Philippines, Indonesia... và sự yếu thế ngày càng lớn của chính quyền Tưởng Giới Thạch ở Trung Quốc. Bản thân Mĩ thật sự không hài lòng về thái độ chần chừ và việc chuyển giao độc lập cho chính phủ Bảo Đại diễn ra một cách chậm chạp tại hai Hiệp định Vịnh Hạ Long.

Trong tài liệu “Pentagon Papers” của Lầu Năm Góc nêu ra khả năng Mĩ đã nhúng tay vào Việt Nam thông qua “*một báo cáo về cuộc trò chuyện giữa Đại sứ Mĩ với Bộ Ngoại giao Pháp vào tháng 9-1948. Đại sứ Mĩ một lần nữa kêu gọi Quốc hội Pháp có những hành động cụ thể khác để tiến tới sự thống nhất của Việt Nam và đàm phán ngay lập tức các bước cụ thể hướng tới quyền tự chủ như được dự kiến trong Hiệp định Vịnh Hạ Long*” [10, tr.A47]. Tài liệu cũng trích dẫn quan điểm của Washington dành cho Paris như sau:

“...Mĩ hoàn toàn đánh giá cao những khó khăn mà Chính phủ Pháp phải đối mặt tại Đông Dương tại thời điểm này và Mĩ đã sẵn sàng nếu Chính phủ Pháp mong muốn đưa ra cho công chúng những chỉ dấu nhằm phê duyệt các bước cụ thể của Chính phủ Pháp để nắm vững những vấn đề chính trị cơ bản của Đông Dương... Mĩ cũng sẵn sàng xem xét việc hỗ trợ Chính phủ Pháp trong vấn đề tài chính cho Đông Dương qua ECA nhưng không thể xem xét thay đổi chính sách hiện tại cho đến khi nào có những tiến bộ thực sự trong việc đạt được giải pháp

*không Cộng sản cho Đông Dương trên cơ sở hợp tác của các nhóm thực sự quốc gia của nước đó*” [10, tr.A48].

Tháng 9-1948, Mĩ ra quyết định dứt khoát cho chính sách tại Việt Nam. Trong bản tuyên bố của Bộ Ngoại giao ngày 27-9-1948, Washington nêu ra mục tiêu của Mĩ tại Đông Dương kể từ thời điểm đó sẽ tập trung vào việc chống ảnh hưởng của Cộng sản, khôi phục XHCN và thành lập một quốc gia tự trị thân thiện với Mĩ. Tuyên bố cũng cho rằng Mĩ cần thúc đẩy Pháp trao trả độc lập, tự trị cho nhân dân Việt Nam, đổi lại Mĩ sẽ “*ủng hộ người Pháp bằng mọi cách trong việc thiết lập một chính phủ thực sự dân tộc ở Đông Dương. Bằng cách đáp ứng các nguyện vọng của người dân Đông Dương, chính phủ này sẽ là nơi tập hợp những người dân tộc và sẽ làm suy yếu các phần tử cộng sản*” [2, tr.73]. Vấn đề Việt Nam càng được Mĩ nhấn mạnh. Trong các báo cáo của Hội đồng An ninh Quốc gia năm 1952 đã đề cập: “*Sự thống trị của Cộng sản ở Đông Nam Á sẽ gây nguy hại đến lợi ích của Mĩ*” và đưa ra đề xuất: “*Mĩ nên tiếp tục đảm bảo rằng sự hỗ trợ của Mĩ cho nỗ lực của người Pháp ở Đông Dương là một trong những điều quan trọng chiến lược và cần thiết cho nền an ninh của thế giới tự do, không chỉ ở vùng Viễn Đông mà còn ở khu vực Trung Đông và Âu châu*” [13, tr.19].

Ngày 08-3-1949, Hiệp định Elysée giữa chính phủ Pháp và chính phủ Bảo Đại được kí kết, theo đó Pháp sẽ: (1) Công nhận Việt Nam là một nước độc lập trong Liên hiệp Pháp; (2) Đồng ý thống nhất Việt Nam và đặt nó dưới chính

quyền của Bảo Đại, theo các điều khoản sẽ được đàm phán sau đó; và (3) Pháp giữ lại quyền kiểm soát các lực lượng vũ trang và các mối quan hệ của Việt Nam với nước ngoài.

Bị tác động bởi sức ép từ nguy cơ thất bại của Quốc dân Đảng trong cuộc nội chiến ở Trung Quốc, Mỹ liên tiếp đẩy nhanh “Giải pháp Bảo Đại” bằng tuyên bố ủng hộ Quốc gia Việt Nam thống nhất mới vào ngày 10-5-1949 của Lãnh sự Mỹ tại Sài Gòn như sau:

*Vào thời điểm thích hợp và hoàn cảnh thích hợp, Bộ Ngoại giao Mỹ sẽ công nhận chính phủ Bảo Đại và có thể chấp nhận bất cứ yêu cầu nào của chính phủ ấy về vũ khí và hỗ trợ kinh tế... Tuy nhiên, khi mà Mỹ khó có khả năng ủng hộ một chính phủ có khả năng là một chế độ bù nhìn, rõ ràng là Pháp phải đưa ra tất cả những nhượng bộ cần thiết để làm cho giải pháp Bảo Đại hấp dẫn đối với các phe phái Quốc Gia. Đây là một bước đi mà Pháp phải tự thấy được tính cấp bách và cần thiết. Cái viễn cảnh chỉ còn một thời gian ngắn còn lại trước khi Cộng sản có thể thành công ở Trung Quốc đã có thể được cảm nhận ở Đông Dương. Hơn nữa chính phủ Bảo Đại thể hiện sự cố gắng để chứng minh khả năng tổ chức và tiến hành công việc một cách khôn ngoan nhằm thu hút sự ủng hộ của nhân dân. Một chính phủ dựng lên ở Đông Dương tương tự như Quốc Dân Đảng sẽ là một thất bại được đoán trước.”* [10, tr.A48].

Đúng như dự đoán, sự thất thủ của chính quyền Tưởng Giới Thạch trong tháng 4-1949 dẫn đến sự thành lập nhà

nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ngày 01-10-1949. Sự kiện này góp phần kết nối hệ thống chủ nghĩa xã hội từ Âu sang Á. Với Mỹ và các nước đồng minh, đây là một dấu hiệu xấu đe dọa đến lợi ích quốc gia ở khu vực Đông Á nói riêng và toàn cầu nói chung. Mặc dù còn lo ngại cho khả năng bất ổn và cơ chế quản lí của một chính quyền mới sẽ được thành lập, nhưng Ủy ban An ninh Quốc gia Mỹ (NSC) đã khẳng định: “*Nếu là thế, độc lập cho nước bị thuộc địa là giải pháp thực tế duy nhất dù cho việc quản lí tồi tệ đất nước sẽ nảy sinh. Một giải pháp cho sự bất ổn, nếu nó phát sinh, phải được tìm kiếm trên một con đường không phải là chủ nghĩa đế quốc*” [10, tr.A55] và “*Đường lối của Hoa Kỳ là chặn đứng sự bành trướng hơn nữa của cộng sản ở châu Á*” [2, tr.77]. Như vậy, từ cuối năm 1949, Mỹ đã xác định khởi đầu cho “Chiến lược ngăn chặn” tại khu vực Đông Nam Á và Đông Dương trở thành trọng tâm trong chiến lược này của Mỹ.

Ngày 18-01 và 30-01-1950, Trung Quốc và Liên Xô chính thức công nhận Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, qua đó chấm dứt hoàn toàn mọi khả năng đàm phán giữa VNDCCH với Mỹ và Pháp. Từ đây, VNDCCH xác định chỉ còn con đường đấu tranh chống sự xâm lược của Pháp và sự can thiệp của Mỹ vào tình hình tại Việt Nam. Còn với Mỹ, mối đe dọa của hệ thống XHCN, mà đứng đầu là Liên bang Xô-viết, buộc Mỹ không còn giải pháp nào ngoài việc ủng hộ Pháp can thiệp vào Việt Nam thông qua giải pháp chính quyền Quốc gia Việt Nam của Bảo Đại<sup>2</sup>.



#### 4. Mĩ can thiệp vào Việt Nam và sự thất thủ của Pháp tại Đông Dương (1951 - 1954)

Sau khi Quốc hội Pháp phê chuẩn Hiệp định Elysée ngày 02-02-1950, Quốc gia Việt Nam chính thức được Pháp công nhận. Trên thực tế, chính phủ của Bảo Đại chỉ là một chính quyền “bù nhìn”, các hoạt động cơ quan hành chính, đối nội và đối ngoại của Việt Nam vẫn nằm trong sự kiểm soát của Paris: “*Nhà nước Việt Nam đã trở thành một thứ nguy trang cho Pháp tiếp tục cai trị ở Đông Dương*” [11, tr.A7]. Sự ăn chơi trụy lạc của Bảo Đại kèm theo việc tuyển chọn những người trong chính phủ với xuất thân đa phần là những người người giàu có, có quan hệ với Pháp càng khiến sự “bù nhìn” của Quốc gia Việt Nam thêm rõ nét.

Mặc khác, chính quyền VNDCCH trở thành đối tượng để Pháp sử dụng vũ lực hòng tiêu diệt. Quân đội Việt Minh tiếp tục thực hiện cuộc kháng chiến chống Pháp bằng chiến tranh du kích với căn cứ ở vùng núi phía Bắc. Các chiến thắng liên tiếp của quân dân VNDCCH năm 1947 (Chiến dịch Việt Bắc – Thu Đông) và năm 1950 (Chiến dịch Biên Giới) đã đẩy Pháp vào tình thế ngày càng bị động. Nhà sử học quân sự Bernard Fall đã nhận định về sự thất bại của Pháp ở Chiến dịch Biên giới của VNDCCH năm 1950 như sau: “*Khi mà khói súng tan biến, người Pháp đã phải ném trải một trong những thất bại quân sự lớn nhất tại thuộc địa kể từ sau vụ tướng Montcalm tử trận ở Québec (Canada). Họ đã mất 6,000 quân, 13 khẩu pháo, 125 khẩu súng*

*cối, 450 xe vận tải, 3 trung đội; 940 khẩu súng máy và hơn 8,000 khẩu súng trường. Họ đã bỏ lại những kho dự trữ đủ để cung cấp cho toàn bộ Việt Minh.*” [4, tr.37].

Đối với Mĩ, sự khởi đầu của chiến tranh lạnh và mối lo sợ về sự lan rộng của khối XHCN ở châu Á đã khiến Mĩ từ bỏ mọi ý định đàm phán với VNDCCH, quay sang ủng hộ cho “Giải pháp Bảo Đại” như là một kế hoạch khác để Việt Nam không rơi vào vòng xoáy của Moskva nhưng vẫn bảo đảm được mục tiêu ban đầu: Kêu gọi Pháp trao trả độc lập, tự chủ cho người Việt. Tuy nhiên, chính sách của Mĩ đối với giải pháp của Pháp ở Việt Nam gặp phải hai trở ngại lớn:

*Thứ nhất*, chính quyền Bảo Đại thực chất chỉ là một chính quyền yếu kém toàn diện, không có khả năng thu hút sự ủng hộ của nhân dân. Thiếu kinh nghiệm trong quản lí và thiếu nguồn lực xây dựng nhà nước là vấn đề lớn đặt ra cho Quốc gia Việt Nam. Nếu Quốc gia Việt Nam không đủ khả năng đứng vững thì đồng nghĩa với việc kế hoạch của Mĩ tại Đông Dương bị phá sản.

*Thứ hai*, đó là sự chậm chạp của Pháp trong việc trao quyền tự quyết và tự chủ cho chính phủ Quốc gia Việt Nam. Dường như Pháp không muốn mất đi quyền lực của mình tại Đông Dương, hay nói cách khác là không muốn mất đi chế độ thuộc địa kèm theo những lợi ích tại khu vực. Nhưng trước sức ép của Mĩ, nước này đã phải miễn cưỡng đồng ý trao trả độc lập và công nhận Quốc gia Việt Nam. Việc trao quyền tự chủ hành chính,

đổi nội, đổi ngoại lại cho chính phủ Quốc gia Việt Nam diễn ra một cách hết sức “từ tốn”: “*Cuối tháng 6-1949, Việt Nam đã được hợp pháp thống nhất dưới thời Bảo Đại, nhưng việc trao lại quyền lực liên quan đến các chức năng hành chính còn chậm, và thường chỉ có tính chất làm mẫu; không có quyền lực thực sự hoặc cơ quan có thẩm quyền đã được chuyển cho phía Việt Nam.*” [11, tr.A7]. Trong Biên bản ghi nhớ của Bộ Ngoại giao Mỹ gửi Tổng thống Truman sau sự kiện Quốc hội Pháp phê chuẩn thừa nhận độc lập cho Việt Nam năm 1950 có ghi: “*Chính phủ Pháp đã chỉ ra rằng Pháp có thể sẽ trao mức độ độc lập cao hơn cho ba quốc gia khi tình hình an ninh ở Đông Dương cho phép, và khi các chính phủ mới thành lập có khả năng quản lý các lĩnh vực sau khi người Pháp rút khỏi Đông Dương*” [11, tr.A15]. Hành động cố tình níu kéo “quyền lực” của Paris khiến Washington cảm thấy “bồn chồn” và cho rằng nó đang đe dọa đến sự củng cố sức mạnh của chính quyền Bảo Đại và khiến chính phủ này trở nên yếu kém so với VNDCCH.

Để giải quyết hai vấn đề trên, Mỹ tuyên bố sẽ viện trợ cho chính quyền Quốc gia Việt Nam 15 triệu đô-la trong tháng 3-1950 và cam kết sẽ tăng viện trợ. Đổi lại, Pháp phải: “*tăng tính độc lập cho các Quốc gia liên kết*” [2, tr.80]. Số tiền viện trợ của Mỹ tăng nhanh chóng: Năm 1950, Mỹ viện trợ cho Pháp 15 triệu đô-la chi phí quân sự (chiếm 19% chi phí của Pháp); năm 1951 là 30,5 triệu đô-la; năm 1952 nhảy vọt lên 525 triệu đô-la (chiếm 35%), và đến năm 1954 con số

này là xấp xỉ 1,063 tỉ đô-la (chiếm đến 73%); ước tính tổng số tiền Mỹ viện trợ quân sự cho Pháp từ 1946 – 1954 là trên 2 tỉ đô-la. [11, tr.A36] [2, tr.83] [5, tr.24]

Sở dĩ có sự tăng vọt số tiền viện trợ từ 1951 sang 1952 là do xuất phát từ tình hình chiến sự trên bán đảo Triều Tiên. Trước đó, Mỹ vẫn chưa sẵn sàng cho các hoạt động can thiệp trực tiếp vào Đông Dương (và cả châu Á). Tuy nhiên, khi cuộc chiến tranh Triều Tiên bước vào giai đoạn đàm phán thì Mỹ lo ngại một kịch bản tương tự sẽ xảy ra, rằng Trung Quốc sẽ đưa quân vào Đông Dương. Do đó, Mỹ đã tăng cường viện trợ cho cuộc chiến của Pháp đồng thời tiếp tục thúc đẩy Pháp trong vấn đề tự trị của Quốc gia Việt Nam. Nghị quyết của Hội đồng An ninh Quốc gia Mỹ tháng 6-1952 cũng đề cập khả năng Mỹ có hành động đơn phương can thiệp vào Đông Dương, cho thấy mối lo ngại ngày càng lớn cũng như sự can thiệp ngày càng sâu của Mỹ ở Đông Dương. [2, tr.84]

Từ 1950 – 1954, có 4 yếu tố quyết định chính sách của Mỹ về Đông Dương và sự can thiệp của Pháp: Thứ nhất, tầm quan trọng ngày càng tăng của châu Á trong nền chính trị thế giới. Sự trao trả độc lập hàng loạt cho các quốc gia trước kia là thuộc địa và sự hình thành các nhà nước non trẻ sẽ tạo khoảng trống quyền lực có thể là nơi sản sinh ra bất ổn, nhất là trong thời kì chiến tranh lạnh. Thứ hai, sự lan rộng của khối XHCN từ Âu sang Á. Thứ ba, Chiến tranh Triều Tiên bùng nổ càng làm đẩy lên lo ngại Trung Quốc sẽ thực hiện động thái tương tự (đem quân tham chiến) tại Việt Nam. Và thứ tư

là phong trào kháng chiến của VNDCCH khiến Mĩ xem đây là dấu hiệu và là biểu hiện của nguy cơ XHCN ở khu vực Đông Nam Á. Vì vậy, Mĩ càng kiên quyết hơn khi tăng viện trợ cho cuộc chiến của Pháp chống lại quân đội Việt Minh.

Pháp, sau các thất bại quân sự liên tiếp và không thể lấy lại được thế chủ động trên chiến trường, đã nhận ra rằng mục đích của cuộc chiến tranh ở Đông Dương đã đi quá xa so với mục tiêu đề ra ban đầu; từ chỗ cố gắng lấy lại quyền kiểm soát thuộc địa nay đã bị kéo vào cuộc chiến chống Cộng sản. Do đó, từ năm 1953, quan điểm của Pháp có xu hướng chuyển sang giải pháp ngoại giao để giải quyết vấn đề Đông Dương cũng như là tìm kiếm giải pháp rút quân mà không làm ảnh hưởng đến uy tín của mình đối với Mĩ và thế giới. Dĩ nhiên, Mĩ phản đối chủ trương giải quyết vấn đề thông qua con đường ngoại giao, nhất là đối với VNDCCH. Chính quyền Tổng thống Eisenhower cho rằng việc giải quyết thông qua thương lượng sẽ tạo điều kiện để khối XHCN lan rộng ra toàn Đông Nam Á theo học thuyết Domino, đặc biệt là khi cuộc chiến tranh Triều Tiên khắc sâu vào tâm trí Washington một mối lo sợ hiện hữu. Hội đồng An ninh Quốc gia Mĩ nhận định: *“Trong những điều kiện hiện nay, bất kì giải pháp đàm phán nào đều có nghĩa là không chỉ Đông Dương, mà toàn vùng Đông Nam Á sẽ rơi vào tay Cộng sản. Việc mất Đông Dương sẽ đe dọa đến an ninh của Mĩ.”* [2, tr.88]. Thậm chí, Mĩ đã cân nhắc đến một hành động can thiệp trực tiếp vào Đông Dương.

Để cứu vãn tình hình, Mĩ đồng ý viện trợ cho Pháp 385 triệu đô-la ngay trong tháng 9-1953 để thực hiện kế hoạch Navarre, chỉ một tháng sau khi hiệp định đình chiến ở Triều Tiên được kí kết [11, tr.A37]. Kế hoạch Navarre được xem như con bài cuối cùng của Pháp tại Đông Dương nhằm lấy lại thế chủ động trước Việt Minh. Quan trọng hơn nữa, kế hoạch này được xem như là lời hứa kết thúc một cuộc chiến dài trong danh dự mà Pháp đã cảm thấy quá mệt mỏi vì nó. Tổng cộng trong năm 1953, Mĩ đã viện trợ cho Pháp 150 nghìn tấn trang thiết bị, bao gồm: 900 phương tiện chiến đấu, 15 nghìn phương tiện khác, 2,5 nghìn khẩu pháo, 75 nghìn súng hạng nhẹ, 24 nghìn vũ khí tự động và 9 nghìn thiết bị liên lạc. Ngoài ra, lực lượng không quân Mĩ còn hỗ trợ cho Pháp 160 máy bay chiến đấu F6F và F8F, 41 máy bay ném bom hạng nhẹ B26, 28 máy bay vận tải C47 cùng với sự hỗ trợ về mặt kĩ thuật. [12, tr.12]

Quan điểm của Mĩ và Pháp lúc này về Đông Dương đã trở nên trái ngược nhau. Mĩ muốn Pháp tiếp tục tham chiến chống lại Việt Minh còn Pháp thì muốn rút khỏi “bãi lầy” ở Đông Dương càng sớm càng tốt. Mặc dù bị Mĩ lên tiếng phản đối gay gắt nhưng Pháp đã thành công trong việc đưa vấn đề Đông Dương vào bàn nghị sự tại Genève (Geneva) trong Hội nghị Tứ cường ở Berlin đầu năm 1954 với mục đích tìm ra một giải pháp chính trị cho cuộc chiến tranh Triều Tiên. Do đó, trận Điện Biên Phủ được Pháp và cả VNDCCH tập trung toàn sức nhằm tạo ưu thế và tiếng nói tại Genève. Ngoại trưởng John Foster Dulles, Đô đốc

Arthur W. Radford, Chủ tịch Ủy ban Tham mưu Liên quân Mỹ, cùng tướng Ely đã bàn thảo kế hoạch “Chim Kền Kền” (Operation Vulture) nhằm mục đích can thiệp không quân vào Điện Biên Phủ với 60 “pháo đài bay” B52 và 150 phi cơ tiêm kích để yểm trợ cho Pháp chống lại sự bao vây của quân đội Việt Minh. Tuy nhiên, kế hoạch này đã không được tiến hành do vấp phải sự từ chối của Tổng thống Eisenhower. [2, tr.89-90], [11, tr.A19-A20]

Không có được sự can thiệp giải vây từ phía Mỹ, quân đội Pháp ngày càng thất thế tại Điện Biên Phủ. Như một điều tất yếu, ngày 07-5-1954, quân đội Việt Minh đã giành thắng lợi tại chiến trường Điện Biên Phủ, từ đó chiếm ưu thế trên bàn Hội nghị Genève, buộc Pháp phải rút khỏi Việt Nam sau 9 năm tìm cách tái lập chế độ thực dân trên toàn Đông Dương.

## 5. Kết luận

Sau Chiến tranh Thế giới thứ hai, Pháp âm mưu quay trở lại Đông Dương để tiếp tục khai thác thuộc địa, phục vụ mục đích kinh tế, chính trị của mình. Nhận thấy ý định của Pháp có thể ảnh

hưởng đến lợi ích cốt lõi của mình, Mỹ đưa ra quan điểm không ủng hộ và kêu gọi trao trả độc lập cho Việt Nam. Tuy nhiên, trước sức ép lan rộng của khối XHCN do Liên Xô lãnh đạo, ý định tái thiết Tây Âu phục vụ cho kế hoạch chống phe XHCN và chiến tranh lạnh, Mỹ dần thay đổi quan điểm, từ không ủng hộ sang trung lập và sau đó là ủng hộ Pháp trở lại Đông Dương, nhưng buộc Pháp phải sớm trao trả độc lập cho Việt Nam thông qua “Giải pháp Bảo Đại”. Khi người Pháp thất thủ tại Điện Biên Phủ và rút khỏi Việt Nam, Mỹ đã nhanh chóng nhảy vào trực tiếp tham gia chiến tranh Đông Dương lần hai.

Như vậy, mọi toan tính của Mỹ đều dựa trên lợi ích quốc gia và chiến lược toàn cầu của nước này. Nỗi lo sợ khối XHCN buộc Mỹ phải liên tục thay đổi lập trường, đi ngược lại khát vọng độc lập của nhân dân Việt Nam. Quan điểm và chính sách của Mỹ đối với sự tái xâm lược của Pháp tại Việt Nam phần nào phản ánh rõ ràng thực trạng và là ví dụ điển hình nhất của tình hình quan hệ quốc tế trong thời kì chiến tranh lạnh.

<sup>1</sup> Đây là quan điểm của Tổng thống Roosevelt về số phận của các dân tộc thuộc địa trong Hội nghị Đại Tây Dương vào tháng 8-1941.

<sup>2</sup> Ngày 02-02-1950, Quốc hội Pháp chính thức trao độc lập cho Quốc gia Việt Nam và Mỹ ngay lập tức đã công nhận chính phủ Bảo Đại. Trong lá thư của Tổng lãnh sự Mỹ ở Sài Gòn gửi Bảo Đại có viết: “*Chính phủ Hoa Kỳ vui mừng chào đón Việt Nam Cộng hòa và cộng đồng những nước ưa chuộng thái bình trên thế giới và mở rộng sự công nhận ngoại giao cho Chính phủ Việt Nam Cộng hòa*” [10, tr.A60].

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Lê Mậu Hãn (cb) (2013), *Đại cương Lịch sử Việt Nam – Tập III*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
2. Lê Phụng Hoàng (2008), *Lịch sử Quan hệ Quốc tế ở Đông Nam Á từ sau Chiến tranh Thế giới Thứ hai đến cuối Chiến tranh Lạnh (1945 – 1991)*, Nxb Đại học Sư phạm TPHCM, Tài liệu lưu hành nội bộ.
3. Nguyễn Anh Thái (chủ biên) (2008), *Lịch sử thế giới hiện đại*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
4. Gentleman, Marvin. E (1995), *Vietnam and America: The Most Comprehensive Documented History of the Vietnam War*, Grove Press, USA.
5. Gurtov, Melvin (1968), *The First Vietnam Crisis*, Greenwood Press Publishers (Connecticut), USA.
6. Tindall, George Brown (1999), *America: A Narrative History – 5<sup>th</sup> Edition*, Norton & Co Inc, USA.
7. Buzzanco, Robert (2001), *The United States and Vietnam, 1950-1968: Capitalism, Communism, and Containment*, The Ohio State University Press, USA. <https://ohiostatepress.org/Books/Complete%20PDFs/Hahn%20Empire/06.pdf>
8. Keen, Michael (et al) (2011), *Lost Opportunities for Peace: Vietnam, 1945-1950*. Maryland Humanities Council, USA. [http://www.mdhc.org/files/resources/michaelkeen\\_seniorpaper\\_2011.pdf](http://www.mdhc.org/files/resources/michaelkeen_seniorpaper_2011.pdf)
9. Khan, Abdul Zahoor (2011), *The Cold War in Southeast Asia: Vietnam Conflict*, International Journal of Business and Social Science, USA. [http://ijbssnet.com/journals/Vol.\\_2\\_No.\\_12;\\_July\\_2011/18.pdf](http://ijbssnet.com/journals/Vol._2_No._12;_July_2011/18.pdf)
10. National Archives (1945 – 1967), *Petagon Papers: United States – Vietnam Relations (1945 – 1967) - Part 1: Vietnam and the U.S. (1940 – 1950)*, Office of the Secretary of Defense, USA, <http://media.nara.gov/research/pentagon-papers/Pentagon-Papers-Part-I.pdf>
11. National Archives (1945 – 1967), *Petagon Papers: United States – Vietnam Relations (1945 – 1967) - Part 2: U.S Involvement in Franco – Viet Minh War (1950 – 1954)*, Office of the Secretary of Defense, USA, <http://media.nara.gov/research/pentagon-papers/Pentagon-Papers-Part-II.pdf>
12. Steward, Richard W. (2012), *Deepening Involvement: 1945 – 1965*, Center of Military History - United States Army, USA. [http://www.history.army.mil/html/books/076/76-1/CMH\\_Pub\\_76-1.pdf](http://www.history.army.mil/html/books/076/76-1/CMH_Pub_76-1.pdf)
13. Tuner, Robert F. (1972), *South East Asian Perspectives: Myths of the Vietnam War – Pentagon Papers Reconsidered*. American Friends of Vietnam Inc, USA. <http://www.virginia.edu/cnsl/pdf/Turner-Myths.pdf>

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 05-10-2014; ngày phản biện đánh giá: 21-11-2014;  
ngày chấp nhận đăng: 22-01-2015)